

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2017/HNGĐ-ST

Ngày 10-8-2017

V/v tranh chấp ly hôn giữa
anh L, chị H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Vũ Văn Vãn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1257/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quỳnh L, sinh năm 1978, nơi cư trú: Cộng Hòa Liên bang Đức, vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1985, nơi cư trú: Số 95/202, đường M, phường D, quận C, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08-5-2017, nguyên đơn là anh Nguyễn Quỳnh L trình bày: Anh và chị Trần Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, chí thú làm ăn. Tuy nhiên từ đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do có quá nhiều thay đổi, xáo trộn trong cuộc sống. Cả hai đã cố tìm biện pháp giải quyết nhưng không có kết quả do quan điểm sống ngày càng khác nhau và cả hai cùng mất lòng tin với nhau. Nay xác định cuộc sống chung không thể tiếp tục, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị Thu H.

Về nuôi con và chia tài sản: Giữa anh và chị Trần Thị Thu H không có con chung và tài sản chung nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn ngày 22-5-2017 và bản tự khai ngày 19-6-2017, bị đơn là chị Trần Thị Thu H trình bày thống nhất với anh L về quá trình kết hôn, về con chung, về tài sản chung. Ngoài ra chị còn trình bày: Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó anh L có nhiều biểu hiện khác thường, anh L vắng nhà nhiều hơn và có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Chị đã khuyên nhủ nhiều nhưng anh L không thay đổi, chị xác định anh L không còn tình cảm với chị, từ đó tình cảm của chị đối với anh L cũng mất dần theo thời gian và đến nay thì không còn. Do vậy chị cũng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh chị được ly hôn để mỗi người sớm ổn định cuộc sống của mình.

Do anh L đang ở nước ngoài và không yêu cầu hòa giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, cả anh L và chị H cùng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Quỳnh L và chị Trần Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng vào ngày 09 tháng 9 năm 2011, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Nguyễn Quỳnh L hiện đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Cả anh L, chị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị H.

[3]. Về hôn nhân: Cả anh L và chị H đều khai thống nhất: Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn tin tưởng nhau về tình cảm. Bản thân hai anh chị đã có nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay cả hai xác định không còn yêu thương nhau và cùng đề nghị tòa án cho ly hôn. Đây là sự thật khách quan không phải chứng minh. Do vậy việc anh L xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng.

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh L, chị H đã thực sự không còn yêu thương, quan tâm tới nhau, ai chỉ biết bổn phận của người đó, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của anh L, chị H.

[4]. *Về nuôi con và chia tài sản*: Anh L, chị H không có con chung, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Anh Nguyễn Quỳnh L là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6]. *Về quyền kháng cáo của các đương sự*: Anh Nguyễn Quỳnh L và chị Trần Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quỳnh L được ly hôn với chị Trần Thị Thu H.

2. Về nuôi con và chia tài sản: Anh Nguyễn Quỳnh L, chị Trần Thị Thu H không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quỳnh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003858 ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Quỳnh L đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Anh Nguyễn Quỳnh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Trần Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hải Phòng;
- Cục THADS TP.Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP.Hải Phòng;
- Đương sự (để thi Hnh);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Biên

Vũ Văn Vấn

Trần Thu Hương